**HỒ SƠ XIN VISA “VỢ/CHỒNG NGƯỜI NHẬT BẢN” KHÔNG CÓ GIẤY TƯ CÁCH LƯU TRÚ, DO VỢ/CHỒNG LÀ NGƯỜI NHẬT BẢN SỐNG VÀ LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM HẾT THỜI HẠN CÔNG TÁC TRỞ VỀ SINH SỐNG TẠI NHẬT BẢN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | **Hộ chiếu** | 1 bản gốc |
| 2 | **Đơn xin visa**(ghi nội dung đầy đủ và chính xác, có chữ ký giống với chữ ký trong hộ chiếu) | 1 bản |
| 3 | **Hình 4.5cm×4.5cm** được chụp trong vòng 6 tháng trở lại | 1 hình dán đơn |
| 4 | **-Hộ tịch gia đình (kosekitohon)** của vợ/chồng (người Nhật) có ghi rõ quan hệ hôn nhân (bản chính, được cấp trong vòng 3 tháng trở lại)  **-Giấy chứng nhận kết hôn** do cơ quan thẩm quyền của Việt Nam cấp (bản chính kèm bản copy) | mỗi loại 1 bản |
| 5 | **Giấy lý do nhập cảnh** được viết bởi vợ/chồng (người Nhật)  (Giải thích rõ lý do xin visa "Vợ/chồng người Nhật Bản" nhưng không có giấy tư cách lưu trú) | 1 bản |
| 6 | **Một trong các hồ sơ dưới đây**  -Giấy chứng nhận làm việc hoặc hợp đồng lao động (ghi rõ chức vụ, ngày vào làm, mức lương) và Quyết định về nước.  -Trường hợp vợ hoặc chồng (người Nhật) hoạt động kinh doanh tại Việt Nam thì xuất trình giấy phép kinh doanh do cơ quan thẩm quyển của Việt Nam cấp. | 1 bản gốc kèm bản copy |
| 7 | **Photocopy hộ chiếu** (trang có thông tin cá nhân và các trang có đóng dấu xuất nhập cảnh Việt Nam) của vợ/chồng (người Nhật) | 1 bản |
| 8 | **Giấy xác nhận vợ/chồng cùng cư trú** do cơ quan công an Việt Nam cấp. | 1 bản gốc |
| 9 | **Bản giải trình quá trình hôn nhân**từ khi quen biết đến khi kết hôn (do vợ/chồng (người Nhật) làm và ghi rõ quá trình, thời gian, địa điểm từ lúc bắt đầu quen biết, người giới thiệu, quá trình tìm hiểu, thời gian, địa điểm tiến hành hôn lễ v..v.. | 1 bản |